

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc thực hiện chính sách pháp luật trong quản lý tài chính, ngân sách
và các nguồn kinh phí khác đối với Trường Phổ thông dân tộc nội trú
Trung học cơ sở huyện Buôn Đơn

Thực hiện Quyết định số 116/QĐ-TTr ngày 07/7/2023 của Chánh Thanh tra huyện Buôn Đơn thanh tra việc thực hiện chính sách pháp luật trong quản lý tài chính, ngân sách nhà nước trong 03 năm (2020 - 2022) và các nguồn kinh phí khác đối với Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở huyện Buôn Đơn.

Xét Báo cáo giải trình của Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở huyện Buôn Đơn, Báo cáo kết quả thanh tra và kiến nghị của Đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra huyện kết luận:

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở huyện Buôn Đơn đóng chân trên địa bàn xã Ea Wer, huyện Buôn Đơn.

Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong 03 năm: Năm 2020 biên chế được giao 25 biên chế; Năm 2021 biên chế được giao 24 biên chế; Năm 2022 biên chế được giao 24 biên chế.

Số lượng học sinh trong 03 năm học: Năm học 2020 - 2021 có 05 lớp với 156 học sinh; năm học 2021 - 2022 có 05 lớp với 158 học sinh; năm học 2022 - 2023 có 05 lớp với 158 học sinh.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học của nhà trường đã đáp ứng cơ bản đầy đủ, đảm bảo nhu cầu dạy và học của giáo viên và học sinh.

B. KẾT QUẢ THANH TRA

I. KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC THU, CHI NGÂN SÁCH 03 NĂM (2020, 2021, 2022)

1. Số liệu thu, chi ngân sách Nhà nước:

1.1. Tổng dự toán ngân sách giao được sử dụng: 20.398.511.436 đồng, trong đó:

a. Năm 2020: 7.014.482.127 đồng (Kinh phí tự chủ: 2.837.027.127 đồng; không tự chủ: 4.050.000.000 đồng; cải cách tiền lương: 100.755.000 đồng; bổ sung sau ngày 30/9: 26.700.000 đồng)

b. Năm 2021: 6.576.852.000 đồng (Kinh phí tự chủ: 2.521.800.000 đồng; không tự chủ: 3.634.200.000 đồng; bổ sung sau ngày 30/9: 420.852.000 đồng)

c. Năm 2022: 6.807.177.309 đồng (Kinh phí tự chủ: 3.584.407.309 đồng; không tự chủ: 3.222.200.000 đồng; bổ sung sau ngày 30/9: 570.000 đồng).

1.2. Tổng dự toán đã sử dụng: 19.090.326.862 đồng, trong đó:

a. Năm 2020: 6.199.352.980 đồng (Kinh phí tự chủ: 2.314.484.723 đồng; không tự chủ: 3.757.413.257 đồng; cải cách tiền lương: 100.755.000 đồng; bổ sung sau ngày 30/9: 26.700.000 đồng)

b. Năm 2021: 6.334.557.629 đồng (Kinh phí tự chủ: 2.403.536.691 đồng; không tự chủ: 3.510.168.938 đồng; bổ sung sau ngày 30/9: 420.852.000 đồng)

c. Năm 2022: 6.556.416.253 đồng (Kinh phí tự chủ: 3.568.722.058 đồng; không tự chủ: 2.987.124.195 đồng; bổ sung sau ngày 30/9: 570.000 đồng).

1.3 Tổng dự toán còn tồn tại kho bạc trong 3 năm: 1.308.184.574 đồng, trong đó: Kinh phí chuyển nguồn cho dự toán năm sau: 867.566.769 đồng; Kinh phí huỷ tại kho bạc: 440.617.805 đồng, cụ thể:

a. Năm 2020: 815.129.147 đồng (Kinh phí được chuyển nguồn sang 2021: 522.542.404 đồng; Kinh phí huỷ: 292.586.743 đồng).

b. Năm 2021: 242.294.371 đồng (Kinh phí được chuyển nguồn sang 2022: 94.263.309 đồng; Kinh phí huỷ: 148.031.062 đồng).

c. Năm 2022: 250.761.056 đồng (Kinh phí tồn tại kho bạc: 250.761.056 đồng).

2. Kết quả kiểm tra việc chấp hành chế độ kế toán trong quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước

2.1. Việc chấp hành các quy định trong công tác lập dự toán ngân sách và mở sổ sách, chứng từ, báo cáo quyết toán:

Đơn vị thực hiện lập dự toán kinh phí đảm bảo trình tự quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn của cấp trên; mở tương đối đầy đủ các loại sổ sách theo quy định; hệ thống chứng từ sắp xếp tương đối gọn gàng, đóng và bảo quản lưu trữ chứng từ đảm bảo theo quy định; hàng quý, năm đơn vị đối chiếu với kho bạc đầy đủ, lập báo cáo tài chính theo biểu mẫu của Bộ Tài chính ban hành.

Tuy nhiên, có một số chứng từ còn thiếu ngày tháng năm, không có danh sách cấp phát đưa vào sử dụng, đơn vị thực hiện đóng lưu trữ chứng từ theo từng quý nhưng không sắp xếp theo thứ tự số thanh toán...

2.2. Về xây dựng và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ:

Đơn vị xây dựng quy chế và thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ trên cơ sở các văn bản quy định, phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

2.3. Việc sử dụng nguồn kinh phí và chấp hành quy định pháp luật về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu dự toán ngân sách:

a. Việc sử dụng nguồn kinh phí:

Đơn vị đã sử dụng nguồn kinh phí tương đối đảm bảo đúng mục đích dự toán giao.

b. Việc chấp hành chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu dự toán ngân sách:

Đa số các khoản chi đều đảm bảo về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu theo quy định. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện đơn vị chưa kiểm soát chặt chẽ nên còn một số khoản chi chưa đảm bảo quy định, cụ thể:

- Chuyển khoản số 115 ngày 06/10/2020 chuyển tiền san lấp mặt bằng và đào hố trồng cây khuôn viên sân trường, số tiền 12.000.000 đồng (nội dung hợp đồng không ghi rõ san lấp mặt bằng bao nhiêu m³; đào bao nhiêu hố để trồng cây...).

- Chuyển khoản số 01 ngày 10/01/2020 chuyển lương tháng 01 và tháng 02 năm 2020, trong đó có chi tiền lương tháng 02 cho ông Nguyễn Phùng Hiền. Tuy nhiên, ngày 15/01/2020 UBND huyện ký Quyết định số 147/QĐ-UBND điều động ông Nguyễn Phùng Hiền giữ chức Phó Giám đốc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện từ ngày 03/02/2020. Số tiền lương và các khoản phụ cấp ông Hiền được hưởng tại Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS huyện cao hơn so với tiền lương và các khoản phụ cấp tại Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên là **1.290.489 đồng/01 tháng** (cụ thể: Phụ cấp thâm niên nghề: 0,03; Phụ cấp ưu đãi: 0,1; Phụ cấp chức vụ: 0,15; Phụ cấp trách nhiệm cấp ủy viên: 0,3; Phụ cấp trách nhiệm DTNT: 0,3).

- Chuyển khoản số 181 ngày 30/12/2020 chuyển tiền thuê 02 vận động viên tham gia thi đấu bóng chuyền nữ với số tiền **5.000.000 đồng** trái quy định.

- Kinh phí chi học bổng cho học sinh và chế độ khác cho học sinh trong 3 năm là: 7.102.848.414 đồng, trong đó học sinh thực nhận: 3.057.745.225 đồng (có danh sách nhận tiền, không có phiếu chi), còn lại: 4.045.103.189 đồng được khấu trừ vào tiền ăn hàng tháng và các khoản khác của học sinh.

Việc Trường thực hiện khấu trừ tiền ăn của học sinh, nhưng không xây dựng định mức suất ăn, không tách quỹ theo dõi riêng và không có Quyết định lựa chọn nhà cung cấp thực phẩm là không phù hợp.

- Trường hỗ trợ tiền vé xe về nghỉ Tết cho học sinh (mỗi học sinh: 200.000 đồng/năm) là không phù hợp, vì điều kiện về khoảng cách địa lý (nơi thường trú) của các em là khác nhau.

Ngoài ra, việc mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ ...tại đơn vị trong 03 năm (năm 2020, 2021, 2022) như: chuyển khoản số 24, 50 năm 2020; chuyển khoản số KB 450, 33, 72, 78, 165, 174, 193, 214 năm 2021; chuyển khoản số 15, 178, 221 năm 2022 còn thiếu đề xuất, biên bản kiểm tra hiện trạng, phiếu nhập kho, xuất kho và chưa thông qua Hội đồng Trường theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011; Thông tư số 32/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục Đào tạo quy định về Điều lệ Trường THCS, THPT và Trường phổ thông có nhiều cấp học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP CỦA HỌC SINH TRONG 03 NĂM HỌC (2019-2020, 2020-2021, 2021-2022)

1. Số liệu thu, chi các khoản thu đóng góp của học sinh

1.1. Số dư năm học trước chuyển sang: 95.000 đồng (Quỹ Hội)

1.2. Tổng thu trong 03 năm học: 68.109.000 đồng (Quỹ Đội: 5.618.000 đồng; Quỹ Hội: 62.491.000 đồng). Trong đó:

- Năm học 2019 - 2020: 32.931.000 đồng (Quỹ Đội: 1.836.000 đồng; Quỹ Hội: 31.095.000 đồng)

- Năm học 2020 - 2021: 17.424.000 đồng (Quỹ Đội: 1.888.000 đồng; Quỹ Hội: 15.536.000 đồng)

- Năm học 2021 - 2020: 17.754.000 đồng (Quỹ Đội: 1.894.000 đồng; Quỹ Hội: 15.860.000 đồng)

1.3. Tổng chi trong 03 năm học: 68.056.000 đồng (Quỹ Đội: 5.501.000 đồng; Quỹ Hội: 62.555.000 đồng). Trong đó:

- Năm học 2019 - 2020: 32.915.000 đồng (Quỹ Đội: 1.820.000 đồng; Quỹ Hội: 31.095.000 đồng)

- Năm học 2020 - 2021: 17.387.000 đồng (Quỹ Đội: 1.787.000 đồng; Quỹ Hội: 15.600.000 đồng)

- Năm học 2021 - 2022: 17.754.000 đồng (Quỹ Đội: 1.894.000 đồng; Quỹ Hội: 15.860.000 đồng)

1.4. Số tồn chuyển sang năm học 2022 - 2023: 148.000 đồng (Quỹ Đội: 117.000 đồng; Quỹ Hội: 31.000 đồng)

2. Về công tác xây dựng kế hoạch, chủ trương thu

Hàng năm, theo hướng dẫn tại Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011; Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT-KHTC ngày 03/8/2018 và các văn bản của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk, Trường và Hội cha mẹ học sinh thực hiện thu các khoản đóng góp theo Nghị quyết của Hội nghị cha mẹ học sinh, có sự giám sát của Trường.

3. Về việc chấp hành chế độ kế toán

- Về sổ sách kế toán: Đơn vị chưa mở sổ theo dõi ghi chép, phản ánh các khoản thu, chi của từng quỹ.

- Về chứng từ kế toán: Lưu trữ chứng từ gọn gàng. Tuy nhiên, một số chứng từ chi không có giấy đề nghị thanh toán, giấy đề xuất, hóa đơn đỏ....

- Về báo cáo, công khai tài chính: Hàng năm đơn vị đã lập báo cáo tổng hợp các khoản thu, chi và tổ chức công khai kết quả thu, chi.

4. Về việc chấp hành quy định pháp luật về việc huy động và sử dụng các khoản đóng góp của học sinh

Các khoản chi đóng góp của học sinh tương đối đảm bảo quy định theo các văn bản hướng dẫn.

III. KẾT LUẬN

1. Ưu điểm

- Đơn vị đã thực hiện lập dự toán kinh phí theo đúng trình tự quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn của cấp trên; Mở các loại sổ sách theo quy định, ghi chép phản ánh đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; hạch toán đúng mục lục ngân sách nhà nước; đa số các khoản chi đều đảm bảo chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu theo quy định; khóa sổ và lập báo cáo tài chính đúng quy định; hệ thống chứng từ sắp xếp gọn gàng, đóng và bảo quản lưu trữ chứng từ đảm bảo theo quy định.

- Các khoản đóng góp của học sinh thu theo tinh thần tự nguyện của Hội cha mẹ và theo quy định của cấp trên; mở sổ sách theo dõi thu, chi từng loại quỹ đầy đủ; hàng năm lập báo cáo và công khai các khoản thu, chi trước Đại hội cha mẹ học sinh.

2. Khuyết điểm

- Đơn vị chi thanh toán sai quy định với số tiền **6.290.489 đồng** (chuyển khoản số 01 ngày 10/01/2020 thanh toán lương tháng 01 và tháng 02 năm 2020 và chuyển khoản số 181 ngày 30/12/2020 chuyển tiền thuê 02 vận động viên tham gia thi đấu bóng chuyền nữ).

- Đồng nhất mức hỗ trợ tiền vé xe về tết cho học sinh (mỗi học sinh: 200.000 đồng/năm) là chưa đảm bảo phù hợp.

- Không bóc tách rõ kinh phí chi học bổng cho học sinh và chế độ khác cho học sinh (trong đó có việc khấu trừ tiền ăn bán trú) là không phù hợp, thiếu minh bạch.

- Việc mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ... chưa thông qua Hội đồng Trường theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011, Thông tư số 32/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục Đào tạo quy định về Điều lệ Trường THCS, THPT và Trường phổ thông có nhiều cấp học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Những thiếu sót, khuyết điểm nêu trên trách nhiệm chính thuộc về ông Kiều Thành Giang, Hiệu trưởng Trường và bà Đoàn Thị Thu Trang, kế toán Trường.

IV. KIẾN NGHỊ:

1. Đối với Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở huyện Buôn Đôn.

- Đề nghị Trường tiếp tục phát huy những ưu điểm; đồng thời có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục kịp thời những khuyết điểm, thiếu sót trong công tác quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đảm bảo đúng quy định, đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định của pháp luật; phối hợp, hướng dẫn Hội cha mẹ học sinh Trường quản lý và sử dụng các khoản đóng góp đảm bảo theo quy định, nhất là khoản thu, chi tiền ăn bán trú của học sinh từ nguồn học bổng.

- Đề nghị Hiệu trưởng Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở huyện có trách nhiệm yêu cầu các cá nhân có liên quan thu hồi số tiền chi sai quy định là **6.290.489 đồng** để nộp trả ngân sách nhà nước.

2. Kiến nghị Chủ tịch UBND huyện

- Chỉ đạo Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở huyện Buôn Đôn có trách nhiệm thu hồi số tiền sai phạm để nộp trả ngân sách nhà nước sau khi có Quyết định thu hồi tiền của Chánh Thanh tra huyện; tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm tại đơn vị một cách nghiêm túc về những thiếu sót, khuyết điểm nêu trên.

- Xử lý Kết luận thanh tra của Chánh Thanh tra huyện theo quy định tại Điều 103 Luật Thanh tra năm 2022.

Trên đây là Kết luận thanh tra việc thực hiện chính sách pháp luật trong quản lý tài chính, ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí khác đối với Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở huyện Buôn Đôn.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra, đề nghị Hiệu trưởng Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở huyện Buôn Đôn thực hiện nghiêm yết Kết luận thanh tra tại Trường theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ và nghiêm túc triển khai thực hiện Kết luận này, báo cáo kết quả thực hiện về Thanh tra huyện trước ngày 30/9/2023./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh (Để báo cáo);
- UBND huyện (Để báo cáo);
- UBKT Huyện ủy;
- Phòng TCKH huyện;
- Phòng GD và ĐT huyện (Để biết);
- Phòng VH và TT huyện
(để đăng tải trên Cổng TTĐT của huyện);
- Trường PT DTNT THCS huyện (Để thực hiện);
- Lưu VT; Hồ sơ.

CHÁNH THANH TRA

Nguyễn Đình Quang